

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ  
TÀI CHÍNH DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 28

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Tài chính Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thủy	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Ủy viên
Bà Hồ Việt Hà	Ủy viên
Ông Lý Duy Anh	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Bà Trần Thị Thủy	Giám đốc
Ông Mai Kim Hoàng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Hà	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

  
  
**Trần Thị Thủy**  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

00112  
CÔNG  
TRÁCH NHIỆM  
DELOITTE  
VIỆT NAM  
ĐA -



Số: 0085 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital)

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12 tháng 8 năm 2015, từ trang 5 đến trang 28. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc tới các vấn đề sau:**

- Như trình bày tại Thuyết minh số 5 - Đầu tư tài chính ngắn hạn, số dư đầu tư vào chứng khoán vốn chưa niêm yết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 28.890.871.070 VND. Việc trích lập dự phòng giảm giá các chứng khoán vốn chưa niêm yết được dựa trên các báo giá được thu thập từ 03 công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND. Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá và tin tưởng rằng mức giá từ các báo giá thu thập được phản ánh giá trị thị trường của các cổ phiếu này;
- Như trình bày tại Thuyết minh số 5 - Đầu tư tài chính ngắn hạn, số dư các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm số tiền 9.000.000.000 VND đầu tư vào 450.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phú Sơn nhằm mục đích thu lợi nhuận trong ngắn hạn. Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá khả năng thanh lý khoản đầu tư này trong vòng 12 tháng tới và tin tưởng rằng việc phân loại, trình bày khoản đầu tư này là phù hợp;

CH  
G T  
PH  
L Y  
TÀI  
J KI  
TY  
H  
ETE  
AM  
TP. H

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

*Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc tới các vấn đề sau (Tiếp theo):*

- Như trình bày tại Thuyết minh số 10 - Đầu tư tài chính dài hạn, số dư các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm số tiền 12.900.000.000 VND, tương đương với tỷ lệ 50% vào dự án xây dựng công trình số 12 Đỗ Ngọc Du, Hà Nội ("Dự án") theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Hợp tác xã Công nghiệp Chiến Thắng ngày 27 tháng 01 năm 2014. Do tính chất đặc thù của Hợp đồng hợp tác đầu tư này nên Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá và tin tưởng rằng việc phân loại và trình bày khoản đầu tư này vào Đầu tư tài chính dài hạn là phù hợp với bản chất của Hợp đồng hợp tác đầu tư.



**Nguyễn Tuấn Anh**  
**Giám đốc Kiểm toán**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1291-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 12 tháng 8 năm 2015  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Phạm Quỳnh Hoa**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0910-2013-001-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B01a-CTQ**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150)	<b>100</b>		<b>97.640.639.267</b>	<b>149.485.541.923</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>19.095.852.800</b>	<b>13.653.969.794</b>
1. Tiền	111		10.095.852.800	1.653.969.794
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	12.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>65.507.116.131</b>	<b>57.402.983.063</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		67.995.939.834	59.494.723.286
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.488.823.703)	(2.091.740.223)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.556.505.965</b>	<b>76.697.250.051</b>
1. Phải thu khách hàng	131		660.054.155	56.188.659.165
2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	5.241.552.661	19.277.782.585
3. Phải thu khác	135	7	1.654.899.149	1.230.808.301
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.481.164.371</b>	<b>1.731.339.015</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		869.681.667	391.171.666
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.611.482.704	1.340.167.349
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>35.008.630.629</b>	<b>35.572.164.292</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>389.422.800</b>	<b>389.422.800</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		389.422.800	389.422.800
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>269.207.829</b>	<b>332.741.492</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	257.749.502	307.533.163
- Nguyên giá	222		1.241.286.468	1.241.286.468
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(983.536.966)	(933.753.305)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	11.458.327	25.208.329
- Nguyên giá	228		55.000.000	55.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(43.541.673)	(29.791.671)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>34.350.000.000</b>	<b>34.350.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		34.350.000.000	34.350.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>500.000.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	500.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>132.649.269.896</b>	<b>185.057.706.215</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B01a-CTQ**  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>20.980.321.209</b>	<b>67.322.053.471</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.980.321.209</b>	<b>67.322.053.471</b>
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	566.430.581	1.093.637.471
2. Phải trả người lao động	315		585.802.284	76.442.269
3. Chi phí phải trả	316	12	1.068.862.000	728.998.979
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	16.648.303.167	64.822.218.165
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.110.923.177	600.756.587
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>111.668.948.687</b>	<b>117.735.652.744</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>111.668.948.687</b>	<b>117.735.652.744</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		999.048.486	999.048.486
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		999.048.486	999.048.486
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		484.011.788	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.186.839.927	15.737.555.772
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>132.649.269.896</b>	<b>185.057.706.215</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã số	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006	11.526.660.000	4.328.760.000
2. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020	36.603.150.000	23.205.150.000
3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	37.477.953.225	1.138.961.945
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031	37.477.953.225	1.138.961.945
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032	-	-
4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	7.727.293.564.883	9.341.082.112.998
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	7.727.293.564.883	9.341.082.112.998
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042	-	-
5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	183.793.558.000	173.356.310.000
6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	17.295.379.256	27.205.366.110



**Trần Thị Thủy**  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

**Đỗ Thị Kim Cúc**  
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

**Phạm Thị Thanh Vân**  
Người lập

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B02a-CTQ**

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
1. Doanh thu	01	15	13.201.953.749	15.125.770.215
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		13.201.953.749	15.125.770.215
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	16	4.806.446.453	4.821.129.395
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		8.395.507.296	10.304.640.820
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	3.955.311.976	3.607.151.629
7. Chi phí tài chính	22	19	1.401.025.642	1.516.338.747
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.556.589.310	6.744.852.485
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		2.393.204.320	5.650.601.217
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.393.204.320	5.650.601.217
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	555.837.650	1.229.507.991
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		1.837.366.670	4.421.093.226
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		184	442



**Trần Thị Thủy**  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

**Đỗ Thị Kim Cúc**  
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

**Phạm Thị Thanh Vân**  
Người lập

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Phương pháp trực tiếp)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MÃ SỐ B03a-CTQ**  
 Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	27.238.183.673	7.816.586.861
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(16.617.710.578)	(7.149.748.522)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.312.295.035)	(4.489.736.740)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.102.273.429)	(850.839.540)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.242.174.754	2.339.529.178
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(5.231.145.886)	(2.833.566.730)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>5.216.933.499</b>	<b>(5.167.775.493)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(55.256.000.000)	(48.304.388.449)
2. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24	55.075.057.838	22.410.433.930
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(12.900.000.000)
4. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	405.891.669	259.316.027
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>224.949.507</b>	<b>(38.534.638.492)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>5.441.883.006</b>	<b>(43.702.413.985)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>13.653.969.794</b>	<b>59.588.862.346</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)</b>	<b>70</b>	<b>19.095.852.800</b>	<b>15.886.448.361</b>



**Trần Thị Thủy**  
 Giám đốc

**Đỗ Thị Kim Cúc**  
 Trưởng phòng Tài chính Kế toán

**Phạm Thị Thanh Vân**  
 Người lập

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính





## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09a-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital) (“Công ty”) là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 35 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 31 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

1. Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
2. Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ chứng khoán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

10  
T  
A  
I  
C  
H  
I  
N  
H  
A  
P  
C  
H  
I  
T  
H  
A  
P  
C  
H  
I  
T  
H  
A  
P  
C  
H  
I  
T  
H  
A  
P  
C  
H  
I  
T  
H  
A  
P  
C  
H  
I  
T

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu và đầu tư dài hạn khác.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Đầu tư chứng khoán**

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn bao gồm chứng khoán tự doanh và các chứng khoán đầu tư. Đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được Công ty vận dụng theo như hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty áp dụng giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom), Công ty áp dụng giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư chứng khoán (Tiếp theo)**

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu, dựa trên mức giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán khác nhau có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng do Công ty thu thập, bao gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán VnDirect.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

Loại tài sản	2015
	Số năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm.

**Đầu tư tài chính dài hạn khác**

Đầu tư tài chính dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được Công ty thực hiện dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc về suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày lập báo cáo tài chính, tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Doanh thu hoạt động kinh doanh**

Doanh thu hoạt động kinh doanh bao gồm doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán, các khoản doanh thu này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở hợp đồng ký kết và giá trị thực tế thực hiện. Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

*Hoạt động tự doanh chứng khoán*

Lãi/lỗ từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính. Đối với chứng khoán đã niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán, doanh thu hoặc chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên cơ sở Thông báo khớp lệnh từ Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Đối với chứng khoán chưa niêm yết, doanh thu hoặc chi phí tự doanh chứng khoán được ghi nhận khi hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu cho người mua.

*Doanh thu từ hoạt động đầu tư*

Doanh thu từ hoạt động đầu tư là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức phát hành. Lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

**Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư**

Công ty nhận tài sản từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người đầu tư. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty không ghi nhận các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.